

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST
Ngày: 30/01/2018
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Minh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Mai
2. Bà Hoàng Thị An

- Thư ký phiên tòa: Ông Thịnh Quang Thắng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30/ 01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 58/2017/TLST - KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST - KDTM ngày 04/01/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST– KDTM ngày 19/01/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại TNHH MTV TC (sau đây gọi tắt là Ngân hàng G); Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà CT, số 109, đường T, quận H, Hà Nội do ông Phạm Huy B – Tổng giám đốc, đại diện theo pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Bà Nguyễn Thị H - Phó giám đốc Phòng giao dịch G; Bà Nguyễn Thị T – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng G

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn D, sinh năm 1979;

2.2. Bà Nguyễn Trà G (vợ ông D), sinh năm 1995;

Đều trú tại: Thôn N, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Văn T1 (bố đẻ ông D), sinh năm 1954;

3.2. Ông Trần Văn V (anh ông D), sinh năm 1977;

Đều trú tại: Thôn N, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Bà H, bà T, ông D và bà G.

Vắng mặt: Ông T1 (không có lý do); ông V (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2017 và các lời khai tiếp theo, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 20/3/2015, vợ chồng ông Trần Văn D và bà Nguyễn Trà G đã ký hợp đồng tín dụng đồng tín dụng số 0096 với

Ngân hàng G nội dung như sau: Số tiền vay: 700.000.000đ; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh; Thời hạn: 12 tháng, từ ngày 20/3/2015 đến ngày 20/3/2016; Lãi suất: 11%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/lần, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của G tại từng thời kỳ; Hình thức trả nợ: Trả nợ gốc vào ngày 20/2016; Trả lãi vào ngày 15 hàng tháng. Cùng ngày 20/3/2015, G đã giải ngân số tiền vay trên cho vợ chồng ông Trần Văn D và bà Nguyễn Trà G thể hiện bằng khế ước nhận số 0096/2015/TLD/KUNN01. Ông D, bà G đã nhận đủ số tiền vay.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Trần Văn T1 (là bố đẻ ông D) đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 34, tờ bản đồ số 30, diện tích 214 m² toạc lạc tại Thôn N, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR519268 do UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 13/11/2013 đứng tên ông Trần Văn T1. Hợp đồng thế chấp giữa hai bên được công chứng tại Văn phòng công chứng H, thành phố Hà Nội ngày 19/3/2015, số công chứng: 376/2015/HĐTC. Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất 19/3/2015 tại Văn phòng đăng ký nhà đất Hà Nội – chi nhánh huyện Đ. Từ khi giải ngân số tiền vay vợ chồng ông D và bà G mới trả được cho Ngân hàng G 70.941.465đ tiền lãi, còn toàn bộ nợ gốc chưa trả.

Tính đến ngày 30/01/2018, vợ chồng ông D và bà G còn nợ Ngân hàng số tiền là: 945.713.560đ. Trong đó nợ gốc là: 700.000.000đ; nợ lãi trong hạn: 20.510.012đ; nợ lãi quá hạn: 225.203.548đ.

Nay Ngân hàng G yêu cầu ông D và bà G phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi trên. Trong trường hợp ông D và bà G không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ thì Ngân hàng G yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo đứng tên ông Trần Văn T1 để thu hồi nợ.

*** Bị đơn ông Trần Văn D trình bày:** Ông nhất trí với quan điểm của Ngân hàng về quá trình ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp. Ông xác định đến nay còn nợ Ngân hàng số tổng tiền theo hợp đồng tín dụng 0096 ngày 20/3/2015 là 945.713.560đ, trong đó nợ gốc là: 700.000.000đ; nợ lãi trong hạn: 20.510.012đ; nợ lãi quá hạn: 225.203.548đ. Ông đề nghị được trả Ngân hàng trong thời hạn 6 tháng kể từ tháng 01/2018, mỗi tháng trả cho Ngân hàng 1.000.000đ, đến ngày 30/6/2018 sẽ tất toán số tiền còn lại. Trong trường hợp không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì ông nhất trí để cơ quan thi hành án phát mại tài sản đảm bảo đứng tên ông Trần Văn T1 là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền tại thửa số 34, tờ bản đồ số 30 tại Thôn N, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

*** Bà Nguyễn Thị Trà Giang trình bày:** Bà nhất trí với ý kiến trình bày của ông D. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng do kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà đã không trả được nợ cho Ngân hàng G. Nay bà đề nghị Ngân hàng G cho thời hạn 06 tháng để trả nợ, mỗi tháng trả 1.000.000đ và sẽ tất toán vào kỳ cuối cùng.

*** Ông Trần Văn T1 trình bày:** Năm 2015, con trai ông là Trần Văn D và con dâu ông là Nguyễn Trà G có nhu cầu cần vốn để mở cửa hàng ăn uống. Vợ chồng ông D có nhờ ông ký hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng thửa đất số 34, tờ bản đồ số 30 tại

thôn N, xã K, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Đông Anh cấp mang tên ông. Ông không sử dụng vốn nên không biết vợ chồng ông D vay bao nhiêu tiền. Nay ông được Ngân hàng thông báo số tiền vợ chồng ông D còn nợ ông không có ý kiến gì; ông đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình trả nợ dần vì gia đình không có chỗ ở nào khác.

*** Ông Trần Văn V trình bày:** Thừa đất ông Trần Văn T1 (bố đẻ ông) thế chấp cho Ngân hàng cho ông Trần Văn D vay vốn có nguồn gốc của cha ông để lại. Ông đã ra ở riêng tại đất khác từ năm 2008, mảnh đất thế chấp cho Ngân hàng chỉ có một mình bố ông sinh sống ngoài ra không còn ai khác. Vợ ông là bà Nguyễn Thị H1 (tức H2) đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn từ năm 2008 đến nay, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết phần có liên quan đến thừa đất mà bố ông đã thế chấp cho ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật, không vi phạm tố tụng. Nguyên đơn chấp hành pháp luật; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành tốt các văn bản tố tụng của tòa án.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng G; buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Trà G phải trả nợ cho ngân hàng tiền lãi và gốc tính đến ngày xét xử; trong trường hợp ông Trần Văn D và bà Nguyễn Trà G không trả nợ thì Ngân hàng G có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp; ông Trần Văn D và bà Nguyễn Trà G phải chi án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Trần Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng; ông Trần Văn V trong quá trình giải quyết vụ án đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T1, ông V là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- Theo hợp đồng tín dụng số 0096/2015/TLD/HĐTD và văn bản thỏa thuận các điều khoản chung của hợp đồng tín dụng ký kết ngày 20/3/2015 giữa bên cho vay là Ngân hàng G và bên vay là ông Trần Văn D, bà Nguyễn Trà G có nội dung như sau: Số tiền vay 700.000.000đ; Mục đích bổ sung vốn kinh doanh; Thời hạn 12 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn đầu tiên; Lãi suất trong hạn 11%/năm, điều chỉnh 01lần/tháng; Lãi suất quá hạn = 150/% trong hạn; Trả nợ gốc vào ngày 20/03/2016; Trả lãi vào ngày 15 hàng tháng. Ngân hàng G đã giải ngân cho bên vay số tiền gốc trên. Việc thỏa thuận trên của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên là hợp pháp.

- Về nợ gốc: Thực hiện hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử 30/01/2018 bên vay chưa trả toàn bộ số nợ gốc cho Ngân hàng G; toàn bộ số tiền nợ gốc

700.000.000đ đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 21/03/2016 do vậy cần buộc bên vay phải trả số nợ gốc trên cho Ngân hàng G.

- Về lãi suất: Tính đến ngày xét xử bên vay mới trả cho Ngân hàng G 70.941.465đ tiền lãi. Số tiền lãi Ngân hàng G yêu cầu bên vay còn phải trả là 237.127.483đ (lãi trong hạn là 20.510.012đ; lãi quá hạn: 225.203.548đ).

Tại văn bản thỏa thuận các điều khoản chung của hợp đồng tín dụng các bên ký kết ngày 20/3/2015 quy định: “Lãi suất đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng”.

Tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*”. Theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước thì lãi suất cơ bản áp dụng từ ngày 01/12/2010 là 9%/năm. Theo hướng dẫn cách tính lãi suất quy định tại điểm b mục 4 phần I Thông tư liên tịch số 01-TT/LT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính thì mức lãi suất trong hạn không được quá 22,5%/năm, lãi suất quá hạn không được quá 31,5%/năm. Đối chiếu với sao kê tính lãi và Quyết định số 1872 ngày 29/10/2014 về việc ban hành biểu lãi suất cho vay, Quyết định số 236 ngày 23/3/2016 về việc ban hành biểu lãi suất cho vay; Quyết định số 341 ngày 17/4/2017 về việc ban hành biểu lãi suất cho vay của Ngân hàng G cung cấp thì lãi suất trong hạn được tính 11%/năm; lãi suất quá hạn từ 21/03/2016 đến ngày xét xử được tính 16,5%/năm là phù hợp với các quy định trên nên không cần phải tính lại.

[4] Về tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng trên ông Trần Văn T1 đã thế chấp cho Ngân hàng G chi nhánh T – Phòng giao dịch Đ toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hiện nay tại thửa số 34, tờ bản đồ số 30, tọa lạc thôn N, xã K, Đ, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 519268 của UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp cho ông Trần Văn T1 ngày 13/11/2013). Hợp đồng thế chấp giữa hai bên đã được công chứng tại Văn phòng công chứng H, thành phố Hà Nội ngày 19/03/2015, số công chứng: 376/2015/HĐTC. Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất ngày 19/03/2015 tại Văn phòng đăng ký nhà đất huyện Đ.

Xét thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối; các chủ thể đều có đủ năng lực hành vi; các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội; tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên là hợp pháp. Trong trường hợp này bên vay đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ do đó cần chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng G.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng G được chấp nhận nên ông D và bà G phải nộp toàn bộ án phí có giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước; hoàn trả lại cho Ngân hàng G toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: *các Điều 342, 343, 351, 355, 471, 474, 476, của Bộ luật dân sự 2005; điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163; Thông tư liên tịch số 01-TT/LT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính.*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng G đối với ông Trần Văn D và bà Nguyễn Trà G; Buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Trà G phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng G tính đến ngày 30/01/2018 tổng số tiền là: 945.713.560đ (chín trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm mười ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng), trong đó: Nợ gốc là 700.000.000đ; nợ lãi trong hạn là 20.510.012đ; nợ lãi quá hạn 225.203.548đ.

2. Trong trường hợp ông Trần Văn D và bà Nguyễn Trà G không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng G có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hiện nay tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại thôn N, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 519268 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp cho ông Trần Văn T1 ngày 13/11/2013) để thu hồi nợ.

3. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm, hàng tháng ông Trần Văn D và bà Nguyễn Trà G còn phải tiếp tục chịu tiền lãi trên số nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0096/2015/TLD/HĐTD ký ngày 20/3/2015.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 40.371.000đ (bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng). Buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Trà G phải nộp để sung ngân sách Nhà nước; Hoàn trả lại cho Ngân hàng G 18.915.000đ (mười tám triệu chín trăm mười lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AB/2015/0000874 ngày 20/10/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Đ.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Đ.
- TAND TP. Hà Nội.
- THA huyện Đ.
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Minh Cường

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Minh Cường

